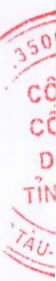
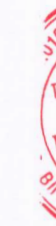


CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

Tháng 4 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 36



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Chí Toàn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/06/2018
Ông Nguyễn Hồng Ân	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01/06/2018
Ông Nguyễn Hồng Ân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/06/2018
Ông Lê Chí Toàn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/06/2018
Ông Nguyễn Niệm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/02/2018
Bà Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Thành viên	
Ông Lê Văn Chiến	Thành viên	
Ông Tổng Thành Nguyên	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hồng Ân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 01/06/2018
Ông Lê Chí Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/03/2018
Ông Nguyễn Niệm	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/02/2018

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hồng Ân (tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2018).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, tình hình hoạt động của Doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thới Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồng Ân
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 10 tháng 4 năm 2019

Số: 085 /VACO/BCKiT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 4 năm 2019, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Theo Kết luận Thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17 tháng 9 năm 2018, Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ban hành các Quyết định số 172/QĐ-TTr và Quyết định số 182/QĐ-TTr cùng ngày 05 tháng 10 năm 2018 về việc thu hồi tiền nộp vào ngân sách Nhà nước; Theo đó, Công ty mẹ bị thu hồi tiền thuê đất truy thu bổ sung từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 91.099.278.151 VND, và tiền thuê hạ tầng do Ngân sách tỉnh đầu tư đối với diện tích đất khu vực bãi tắm Thùy Vân mà Công ty mẹ đang quản lý, sử dụng là 3.658.061.609 VND. Bên cạnh đó, Công ty mẹ cũng chưa hạch toán đầy đủ tiền thuê đất đối với diện tích bãi tắm Thùy Vân theo Thông báo số 3305/160/TB-CCT ngày 27 tháng 04 năm 2018 và số 8927/160/TB-CCT ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thuế Tp. Vũng Tàu, số tiền chưa hạch toán là 12.069.442.486 VND.

Đồng thời, theo Quyết định số 173/QĐ-TTr và Quyết định số 177/QĐ-TTr cùng ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Thanh tra tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Theo đó, Công ty con - Công ty Cổ phần Du lịch Nghinh Phong bị thu hồi tiền thuê đất truy thu bổ sung từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 28.397.591.059 VND, và tiền thuê hạ tầng do Ngân sách tỉnh đầu tư đối với diện tích đất khu vực bãi tắm Thùy Vân mà Công ty con đang quản lý, sử dụng là 3.582.625.227 VND. Bên cạnh đó, Công ty con cũng chưa hạch toán đầy đủ tiền thuê đất đối với diện tích bãi tắm Thùy Vân theo Thông báo số 3305/160/TB-CCT ngày 27 tháng 04 năm 2018 và số 8927/160/TB-CCT ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thuế Tp. Vũng Tàu, số tiền chưa hạch toán là 7.680.290.652 VND.

Như thuyết minh số 35 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty và Công ty con chưa được Cơ quan quản lý Nhà nước ký kết các hợp đồng thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng liên quan đến diện tích đất khu vực Bãi tắm Thùy Vân, cũng như chưa nhận được các văn bản phản hồi, xử lý đối với Kiến nghị số 95/CV-CPDL ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Công ty mẹ, và Kiến nghị số 12/CV-DLNP ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Công ty con đã gửi Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được các văn bản phản hồi từ Cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Theo đó, chúng tôi không có cơ sở xác định giá trị tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng đã bị ghi nhận thiếu các năm từ 2006 đến 2017 và tiền thuê đất phát sinh của năm 2018 (nếu trên) chưa hạch toán để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty, cũng như các điều chỉnh hồi tố liên quan đến báo cáo tài chính hợp nhất các năm trước của Công ty.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết không được Công ty hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 do Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của các khoản đầu tư này.

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, tòa nhà TCT 319, số 63 Lê Văn Lương,

P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: (84-24) 3577 0781

Fax: (84-24) 3577 0782

Văn phòng Đồng Nai

Số 79 đường Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng,

Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Tel: (84-251) 382 8560

Fax: (84-251) 382 8560

Văn phòng Hải Phòng

499 Quán Toan, P. Quán Toan

Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

Tel: (84-225) 353 4655

Fax: (84-225) 353 4316

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)

Chúng tôi không thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đối với các khoản đầu tư khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được liệu có cần thiết phải điều chỉnh giá trị dự phòng cần trích lập cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đính kèm dưới đây.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán số 307/2018/BCKTHN-HCM.00768 đề ngày 02/04/2018 đưa ra ý kiến ngoại trừ về các khoản chênh lệch tiền thuê đất phát sinh của riêng năm 2016 và năm 2017; vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 như trên.



CHI NHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN
VACO
Đ. Đ. BÌNH THẠNH - T. P. HỒ CHÍ MINH

Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2018-156-1



Nguyễn Ngọc Thạch
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
TP. HCM, ngày 10 tháng 4 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	
			Số cuối năm	(Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		60.603.717.333	55.167.765.095
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	20.137.279.435	21.075.040.361
1. Tiền	111		14.402.427.488	17.825.040.361
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.734.851.947	3.250.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	19.190.004.400	13.190.004.400
1. Chứng khoán kinh doanh	121		18.821.032.777	18.821.032.777
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(8.731.028.377)	(8.731.028.377)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9.100.000.000	3.100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.316.859.754	16.027.711.911
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	18.360.489.440	18.822.651.234
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.490.053.589	1.432.153.217
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	5.096.599.128	4.897.761.477
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	8.448.230.308	9.661.196.039
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(18.112.042.594)	(18.820.079.939)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		33.529.883	34.029.883
IV. Hàng tồn kho	140	11	1.420.933.444	1.312.820.294
1. Hàng tồn kho	141		1.420.933.444	1.312.820.294
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.538.640.300	3.562.188.129
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	1.572.611.944	673.418.114
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	10.185.361
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	2.966.028.356	2.878.584.654
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		176.982.640.019	185.245.505.545
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		500.000.000	562.673.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	500.000.000	562.673.000
II. Tài sản cố định	220		101.325.444.886	110.942.559.992
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	101.325.444.886	110.942.559.992
- Nguyên giá	222		195.325.259.767	196.698.457.694
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(93.999.814.881)	(85.755.897.702)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	-	-
- Nguyên giá	228		581.801.000	581.801.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(581.801.000)	(581.801.000)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	65.624.525.781	62.971.525.781
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		9.360.832.918	6.707.832.918
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		63.852.176.741	63.852.176.741
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.588.483.878)	(7.588.483.878)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		9.532.669.352	10.768.746.772
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	9.532.669.352	10.768.746.772
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		237.586.357.352	240.413.270.640

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		60.384.095.995	72.171.933.122
I. Nợ ngắn hạn	310		44.395.325.732	54.126.618.641
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	4.118.198.810	3.379.117.525
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		295.039.296	263.484.730
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	18.059.057.940	24.851.080.531
4. Phải trả người lao động	314		271.164.320	50.129.153
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		463.479.338	330.601.489
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		27.272.727	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	20.182.344.335	22.512.808.521
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	435.645.300	1.707.813.026
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		543.123.666	1.031.583.666
II. Nợ dài hạn	330		15.988.770.263	18.045.314.481
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	1.936.427.650	3.916.034.568
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	14.052.342.613	14.129.279.913
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	20	177.202.261.357	168.241.337.518
I. Vốn chủ sở hữu	410		177.202.261.357	168.241.337.518
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		186.445.000.000	186.445.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		186.445.000.000	186.445.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.238.309.719	11.238.309.719
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(29.882.260.711)	(38.688.707.034)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(38.688.707.034)	(32.005.377.954)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		8.806.446.323	(6.683.329.080)
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		9.401.212.349	9.246.734.833
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		237.586.357.352	240.413.270.640



Nguyễn Hồng Ân
Tổng Giám đốc
Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 10 tháng 4 năm 2019

Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập biểu

Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	140.482.601.403		154.181.767.211	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		140.482.601.403		154.181.767.211	
4. Giá vốn hàng bán	11	24	65.404.696.931		76.511.243.278	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		75.077.904.472		77.670.523.933	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	3.814.211.444		3.622.047.832	
7. Chi phí tài chính	22	27	104.752.795		3.928.942.925	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		104.610.803		802.034.698	
8. Chi phí bán hàng	25	28	30.563.807.590		28.407.868.197	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	41.594.089.288		47.616.722.272	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		6.629.466.243		1.339.038.371	
11. Thu nhập khác	31	29	3.936.280.623		990.398.743	
12. Chi phí khác	32	30	707.072.799		7.716.368.436	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.229.207.824		(6.725.969.693)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9.858.674.067		(5.386.931.322)	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	373.422.790		441.820.525	
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		9.485.251.277		(5.828.751.847)	
17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		8.806.446.323		(6.683.329.080)	
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		678.804.954		854.577.233	
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	472		(358)	



Nguyễn Hồng Ân
Tổng Giám đốc
Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 10 tháng 4 năm 2018

Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập biểu

Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.858.674.067	(5.386.931.322)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	10.750.317.474	10.936.320.253
- Các khoản dự phòng	03	(708.037.345)	4.562.686.190
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(68.495.615)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.810.582.487)	(3.603.365.700)
- Chi phí lãi vay	06	104.752.795	802.034.698
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.195.124.504	7.242.248.504
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	687.261.812	6.420.464.941
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(108.113.150)	443.015.505
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.793.294.196)	(3.285.776.330)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	2.676.043.792	3.885.174.888
- Tiền lãi vay đã trả	14	(104.752.795)	(802.034.698)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.465.867.014)	(387.027.113)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(488.460.000)	(21.901.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.597.942.953	13.494.164.697
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.536.896.251)	(6.274.488.873)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	200.781.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.198.837.651)	(1.193.015.406)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.653.000.000)	(4.554.593.325)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	7.374.514.500
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.726.462.487	2.376.905.356
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.662.271.415)	(2.069.895.930)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	1.608.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.349.105.026)	(8.006.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(524.327.438)	(589.491.266)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.873.432.464)	(6.987.491.266)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(937.760.926)	4.436.777.501
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	21.075.040.361	16.638.262.860
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	20.137.279.435	21.075.040.361



Nguyễn Hồng Ân
Tông Giám đốc
Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 10 tháng 4 năm 2019

Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập biểu

Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28/12/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05/01/2007 và thay đổi lần thứ 14 ngày 19/4/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 19/4/2017, vốn điều lệ của Công ty là 186.445.000.000 VND, tương đương 18.644.500 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UPCOM với mã chứng khoán là VTG.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2018 là 465 người (tại ngày 01/01/2018 là 499 người)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, nhà khách;
- Kinh doanh khu du lịch, bãi tắm, bãi biển, hoạt động thể thao, nhà hàng;
- Kinh doanh phòng hát Karaoke, massage, vũ trường;
- Dịch vụ du lịch lữ hành,
- Dịch vụ bán vé máy bay, tàu lửa, tàu thủy;
- Vận tải hành khách du lịch đường bộ;
- Bán buôn thực phẩm và đồ dùng cho gia đình;
- Bán buôn thiết bị điện tử, viễn thông và tin học;
- Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp và máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khác...

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con/công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty CP Du lịch Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Phường 02, TP Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	50,07%	50,07%	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn
Công ty CP Du lịch Nghinh Phong	Số 06 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	96,18%	96,18%	Hoạt động vui chơi giải trí, dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động, đại lý du lịch, cho thuê thiết bị thể thao,
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu	Số 29 Trần Hưng Đạo, Phường 01, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	100%	100%	Kinh doanh dịch vụ lữ hành trong nước và quốc tế
Công ty liên kết				
Công ty CP Đầu tư Khách sạn Biển Đông	Số 65 Huyền Trân Công Chúa, Phường 08, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	26,53%	26,53%	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: Khách sạn, biệt thự, căn hộ du lịch
Công ty CP Giải trí Thể thao Minh Đạm	Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	35%	35%	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: Khách sạn, biệt thự, căn hộ du lịch; Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch.

- Công ty Cổ phần Du lịch Thùy Vân được thành lập theo Giấy Chứng nhận doanh nghiệp số 49003000221, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 30/6/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Tại ngày 31/12/2018, Công ty có lãi lũy kế là 60.322.718 VND.
- Công ty Cổ phần Du lịch Nghinh Phong được thành lập theo Giấy Chứng nhận doanh nghiệp số 3502213663, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26/9/2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Trong năm, Công ty hoạt động đã có lãi.
- Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành quyết định giải thể Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu được chuyển giao cho Công ty. Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu đang tiến hành các thủ tục để giải thể công ty.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông được thành lập theo Giấy Chứng nhận doanh nghiệp số 3500770108, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 24/9/2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Tại ngày 31/12/2018, Công ty Cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông vẫn đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Công ty Cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm được thành lập theo Giấy Chứng nhận doanh nghiệp số 3501454916 ngày 28/8/2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ban hành quyết định số 6023/UBND-VP ngày 02/8/2016 về việc chấm dứt hiệu lực chủ trương cho Công ty Cổ phần giải trí thể thao Minh Đạm đầu tư dự án Khu du lịch vui chơi, giải trí và thể thao quốc phòng tại thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Thông tin so sánh là các thông tin được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được công bố. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đảm bảo khả năng so sánh, không có sự thay đổi đáng kể nào.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Các Công cụ tài chính không có giá niêm yết trên thị trường Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này cho mục đích trình bày trên báo cáo tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý (tiếp theo)

- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a,b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với hàng chậm luân chuyển công ty xem xét trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho dựa vào thời hạn sử dụng của các mặt hàng, và theo đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được để trích lập dự phòng với mức tỷ lệ phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính
	(Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06-50
Máy móc, thiết bị	04-08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10
Thiết bị, dụng cụ Quản lý	03-06
Tài sản cố định khác	03-05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất: Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng theo Quyền sử dụng đất.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm:

Giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí sửa chữa và cải tạo và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Giá trị lợi thế quyền thuê đất Khu du lịch Nghinh Phong của công ty con - Công ty Cổ phần Du lịch Nghinh Phong. Giá trị lợi thế này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm kể từ khi công ty nhận chuyển nhượng Khu du lịch Nghinh Phong.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan của Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Công ty liên kết
Thành viên chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.186.349.723	2.177.771.077
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.216.077.765	15.647.269.284
Các khoản tương đương tiền (i)	5.734.851.947	3.250.000.000
Cộng	<u>20.137.279.435</u>	<u>21.075.040.361</u>

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các ngân hàng.

5. KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

a) Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu						
Công ty CP Dịch vụ Thể thao Thi đấu Giải trí (i)	16.368.660.000	(6.278.655.600)	(*)	16.368.660.000	(6.278.655.600)	(*)
Công ty CP Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	2.452.372.777	(2.452.372.777)	(*)	2.452.372.777	(2.452.372.777)	(*)
Cộng	<u>18.821.032.777</u>	<u>(8.731.028.377)</u>		<u>18.821.032.777</u>	<u>(8.731.028.377)</u>	

(i) Khoản đầu tư đã ký hợp đồng chuyển nhượng năm 2014 và hiện đang trong quá trình chuyển nhượng với cá nhân Ông Nguyễn Ngọc Mỹ - Tổng Giám đốc của Công ty CP Dịch vụ Thể thao Thi đấu Giải trí. Ông Nguyễn Ngọc Mỹ đã thanh toán tổng số tiền là 7.399.152.000 VND (Công ty đang Ghi nhận trên chi tiêu Phải trả ngắn hạn khác của Bảng cân đối kế toán), và còn nợ số tiền là 9.000.000.000 VND; Phần giá trị chuyển nhượng chưa hoàn thành và đang tồn đọng chờ xử lý tới thời điểm hiện nay, Công ty đang trích lập dự phòng với giá trị 6.278.655.600 VND cho khoản đầu tư này.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

b) Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền gửi tiết kiệm từ 03 tháng đến dưới 01 năm	<u>9.100.000.000</u>	<u>3.100.000.000</u>
Ngân hàng TMCP TMCP Công Thương Việt Nam - CN Vũng Tàu	5.100.000.000	1.100.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh- CN Vũng Tàu	1.500.000.000	1.500.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	2.500.000.000	500.000.000
Cộng	<u>9.100.000.000</u>	<u>3.100.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	18.252.756.510	18.714.918.304
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Điện Thành Công	3.878.297.384	3.878.297.384
Công ty TNHH Hoàng Trung	2.466.577.510	2.466.577.510
Công ty TNHH Tiểu Hưng Long	1.825.472.115	1.825.472.115
Phải thu khách hàng khác	10.082.409.501	10.544.571.295
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	107.732.930	107.732.930
Công ty CP Giải trí Thể thao Minh Đạm	107.732.930	107.732.930
Cộng	18.360.489.440	18.822.651.234

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn các đối tượng khác		
Ông Nguyễn Vũ Hưng	2.565.567.233	2.465.477.947
Ông Đỗ Minh Đức	2.531.031.895	2.432.283.530
Cộng	5.096.599.128	4.897.761.477

Khoản tiền cho các cổ đông vay với lãi suất 0% của Công ty Con - Công ty Cổ phần Du lịch Thùy Vân, thời hạn thu hồi theo nhu cầu vốn đầu tư của bên cho vay và sẽ được bên vay hoàn trả trong thời gian 30 ngày kể từ khi nhận được Thông báo yêu cầu hoàn trả của bên cho vay. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

8. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	8.448.230.308	(3.596.908.325)	9.661.196.039	(4.076.908.325)
Phải thu khác là các bên liên quan				
Công ty CP Giải trí Thể thao Minh Đạm - Ứng trước tiền góp vốn	10.425.000	-	10.425.000	-
Phải thu khác là các tổ chức, các nhân khác				
Ký cược, ký quỹ	120.345.099	-	122.043.444	-
Tạm ứng	2.187.189.685	(1.286.491.185)	2.409.131.685	(1.286.491.185)
Các khoản bảo hiểm nộp thừa	4.536.026	-	49.022.837	-
Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Bình Châu - Cổ tức	2.288.223.200	-	2.288.223.200	-
Công ty CP Thương mại Du lịch Vũng Tàu - Sài Gòn	115.769.425	-	1.031.649.425	-
Phải thu khác	3.721.741.873	(2.310.417.140)	3.750.700.448	(2.790.417.140)
b) Dài hạn	500.000.000	-	562.673.000	-
Ký quỹ dài hạn	500.000.000	-	562.673.000	-
Cộng	8.948.230.308	(3.596.908.325)	10.223.869.039	(4.076.908.325)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Dự phòng cho phải thu khách hàng khó đòi	13.316.318.862	13.578.656.207
Dự phòng cho các khoản trả trước người bán	1.198.815.407	1.164.515.407
Dự phòng cho phải thu ngắn hạn khác	3.596.908.325	4.076.908.325
Cộng	<u>18.112.042.594</u>	<u>18.820.079.939</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Tại ngày 01/01	18.820.079.939	17.315.394.177
Trích dự phòng trong năm	7.135.300	1.688.735.456
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(715.172.645)	(184.049.694)
Tại ngày 31/12	<u>18.112.042.594</u>	<u>18.820.079.939</u>

10. NỢ XẤU

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng	13.585.381.007	269.062.145	13.612.545.707	33.889.500
<i>Bên liên quan</i>				
Công ty CP Giải trí Thể thao Minh Đạm	107.732.930	-	107.732.930	-
<i>Các tổ chức, cá nhân khác</i>				
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Điện Thành Công	3.878.297.384	-	3.878.297.384	-
Công ty TNHH Hoàng Trung	2.466.577.510	-	2.466.577.510	-
Công ty TNHH Tiểu Hưng Long	1.825.472.115	-	1.825.472.115	-
Công ty TNHH Thiện Trân	1.438.306.242	-	1.438.306.242	-
Khách hàng khác	3.868.994.826	269.062.145	3.896.159.526	33.889.500
Phải thu khác	4.076.908.325	480.000.000	4.076.908.325	-
Trả trước cho người bán	1.198.815.407	-	1.164.515.407	-
Tổng cộng	<u>18.861.104.739</u>	<u>749.062.145</u>	<u>18.853.969.439</u>	<u>33.889.500</u>

11. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	514.025.414	-	487.585.818	-
Công cụ, dụng cụ	218.809.759	-	126.903.762	-
Hàng hóa	688.098.271	-	698.330.714	-
Cộng	<u>1.420.933.444</u>	<u>-</u>	<u>1.312.820.294</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.572.611.944	673.418.114
Chi phí Công cụ, dụng cụ	990.453.536	223.609.878
Các khoản khác	582.158.408	449.808.236
b) Dài hạn	9.532.669.352	10.768.746.772
Giá trị lợi thế vị trí địa lý khu đất mũi Nghinh Phong	2.836.507.887	3.394.509.435
Chi phí sửa chữa, đầu tư cải tạo	3.583.179.070	3.962.033.655
Chi phí Công cụ, dụng cụ	2.440.045.648	2.783.867.924
Chi phí khác	672.936.747	628.335.758
	11.105.281.296	11.442.164.886

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.870.865.911	-	-	2.870.865.911
Thuế thu nhập cá nhân	7.718.743	157.442.395	174.886.097	25.162.445
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	70.000.000	70.000.000
Cộng	2.878.584.654	157.442.395	244.886.097	2.966.028.356
b) Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	730.965.944	11.217.334.763	10.960.860.913	987.439.794
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.214.311	-	-	3.214.311
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.227.521.745	373.422.790	3.465.867.014	135.077.521
Thuế thu nhập cá nhân	23.935.991	120.259.236	127.534.761	16.660.466
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (i)	20.865.442.540	11.269.655.314	15.222.675.412	16.912.422.442
Các loại thuế khác	-	546.230.072	541.986.666	4.243.406
Cộng	24.851.080.531	23.526.902.175	30.318.924.766	18.059.057.940

Ghi chú:

(i) Đối với tiền thuê đất Khu vực Bãi tắm Thùy Vân:

- Theo Kết luận 261/KL-TTr ngày 18/09/2018; Quyết định số 172/QĐ-TTr và Quyết định số 173/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc thu hồi tiền nộp vào ngân sách nhà nước; Công ty mẹ và Công ty con - Công ty Cổ phần Du lịch Nghinh Phong có nghĩa vụ kê khai, nộp ngân sách nhà nước liên quan đến số tiền thuê đất đối với lô đất thuê tại khu vực Bãi tắm Thùy Vân có tổng diện tích là 87.077 m² cho thời gian thuê từ ngày 01/01/2006 đến hết ngày 31/12/2017 lần lượt là 107.498.702.141 VND và 33.055.916.899 VND; số tiền Công ty và Công ty con chưa hạch toán chi phí là 91.099.278.151 VND và 28.397.591.059 VND. Công ty mẹ và Công ty con đã gửi các kiến nghị đến Cơ quan chức năng có liên quan của Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về vấn đề này; tuy nhiên, Công ty và Công ty con chưa nhận được các phản hồi, theo đó chưa ghi nhận bổ sung số tiền này trên Báo cáo tài chính.
- Căn cứ theo các thông báo của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu về tạm nộp tiền thuê đất năm 2018, số tiền thuê đất năm 2018 của lô đất thuê khu vực Bãi tắm Thùy Vân tính cho Công ty mẹ và Công ty con - Công ty Cổ phần Du lịch Nghinh Phong lần lượt là 15.015.061.246 VND và 9.053.108.532 VND, số tiền Công ty và Công ty con đã hạch toán lần lượt là 2.945.618.760 VND và 1.372.817.880 VND, chênh lệch thiếu chưa ghi nhận của Công ty là 12.069.442.486 VND và Công ty con là 7.680.290.652 VND.
- Nghĩa vụ khác với ngân sách Nhà nước: Theo Quyết định về việc thu hồi tiền nộp vào ngân sách nhà nước số 182/QĐ-TTr và số 177/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra tỉnh, Công ty mẹ và Công ty con - Công ty Cổ phần Du lịch Nghinh Phong phải nộp (nhưng chưa hạch toán chi phí và nghĩa vụ phải trả ngân sách Nhà nước) tiền thuê hạ tầng cho ngân sách nhà nước đối với cơ sở hạ tầng do ngân sách tỉnh đã đầu tư từ khi sử dụng cho đến nay với số tiền lần lượt là 3.658.061.609 VND và 3.582.625.227 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	173.077.771.865	8.072.530.765	8.104.063.544	518.148.374	6.925.943.146	196.698.457.694
- Mua trong năm	1.949.639.843	977.272.727	-	-	545.450.000	3.472.362.570
- Thanh lý, nhượng bán	(372.095.800)	(325.170.829)	-	(48.864.000)	-	(746.130.629)
- Phân loại lại	(627.856.364)	-	-	-	(3.471.573.504)	(4.099.429.868)
Số dư cuối năm	174.027.459.544	8.724.632.663	8.104.063.544	469.284.374	3.999.819.642	195.325.259.767
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	68.764.861.009	5.238.449.767	7.020.825.784	710.308.817	4.021.452.325	85.755.897.702
- Khấu hao trong năm	8.735.875.150	524.858.624	833.412.632	2.767.154	653.403.914	10.750.317.474
- Thanh lý, nhượng bán	(372.095.800)	(325.170.829)	-	(48.864.000)	-	(746.130.629)
- Phân loại lại	(14.147.154)	-	-	-	(1.746.122.512)	(1.760.269.666)
Số dư cuối năm	77.114.493.205	5.438.137.562	7.854.238.416	664.211.971	2.928.733.727	93.999.814.881
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	104.312.910.856	2.834.080.998	1.083.237.760	(192.160.443)	2.904.490.821	110.942.559.992
Số dư cuối năm	96.912.966.339	3.286.495.101	249.825.128	(194.927.597)	1.071.085.915	101.325.444.886

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2018 là 26.789.638.905 VND (ngày 31/12/2017: 28.826.930.139 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 với giá trị là 8.551.635.008 VND (tại ngày 31/12/2017 là 7.011.190.352 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	<u>581.801.000</u>	<u>581.801.000</u>
Số dư cuối năm	<u>581.801.000</u>	<u>581.801.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	<u>581.801.000</u>	<u>581.801.000</u>
Số dư cuối năm	<u>581.801.000</u>	<u>581.801.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	<u>-</u>	<u>-</u>
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư vào công ty liên kết	9.360.832.918	-	6.707.832.918	-
Công ty CP Đầu tư Khách sạn Biển Đông (i)	9.360.832.918	-	6.707.832.918	-
Công ty CP Giải trí Thể thao Minh Đạm (ii)	-	-	-	-
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	63.852.176.741	(7.588.483.878)	63.852.176.741	(7.588.483.878)
Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Bình Châu	28.602.790.000	-	28.602.790.000	-
Công ty CP Lạc Việt	13.000.000.000	(3.635.293.878)	13.000.000.000	(3.635.293.878)
Công ty CP Thương Mại Du Lịch Vũng Tàu Sài Gòn	9.390.560.000	-	9.390.560.000	-
Công ty CP Du lịch Sinh thái Long Hải	3.468.701.654	-	3.468.701.654	-
Công ty TNHH Du lịch Nam Biển Đông (iii)	3.326.935.087	-	3.326.935.087	-
Công ty CP Du lịch Minh Đạm (iv)	2.784.000.000	(2.784.000.000)	2.784.000.000	(2.784.000.000)
Công ty CP Dịch vụ thể thao Thi đấu Giải trí	1.169.190.000	(1.169.190.000)	1.169.190.000	(1.169.190.000)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Điện Thành Công	800.000.000	-	800.000.000	-
Công ty CP San Hồ Xanh Côn Đảo	800.000.000	-	800.000.000	-
Công ty CP Du lịch An Hoa	500.000.000	-	500.000.000	-
Hợp tác xã Du lịch Biển Xanh	10.000.000	-	10.000.000	-
Cộng	73.213.009.659	(7.588.483.878)	70.560.009.659	(7.588.483.878)

(*) Tại ngày lập báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính cụ thể thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi số của chúng.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31/12/2018 như sau:

(i) Công ty Cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông được thành lập theo Giấy Chứng nhận doanh nghiệp số 3500770108, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 24/9/2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Công ty vẫn đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31/12/2018 như sau:

- (ii) Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty CP Giải trí Thể thao Minh Đạm đã bị Ủy Ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thu hồi diện tích đất thực hiện dự án đầu tư khu du lịch Minh Đạm. Công ty đang đánh giá không thu hồi lại giá trị khoản đầu tư đã đầu tư vào Công ty trên.

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty tại ngày 31/12/2018 như sau:

- (iii) Vào ngày 21/2/2019, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành nghị quyết số 02-2019/NQ-HĐQT thông qua chủ trương chuyển nhượng vốn góp trong Công ty TNHH Du lịch Nam Biển Đông.
- (iv) Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm được thành lập theo Giấy Chứng nhận doanh nghiệp số 3500613923, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05/04/2013 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ban hành quyết định số 1114/QĐ - UBND ngày 02/6/2014 về việc thu hồi 152.619,5 m² đất cho Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm thuê để thực hiện dự án đầu tư Khu Du lịch Minh Đạm tại thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty có các cam kết góp vốn nhưng chưa thực hiện tại ngày 31/12/2018:

	Vốn điều lệ của đơn vị nhận đầu tư	Góp vốn của Công ty (VND)		
		Vốn cam kết	Vốn đã góp đến 31/12/2018	Vốn chưa góp đến 31/12/2018
Công ty CP Giải trí Thể thao Minh Đạm	20.000.000.000	7.000.000.000	1.190.000.000	5.810.000.000
Công ty CP Đầu tư Khách sạn Biển Đông	49.000.000.000	13.000.000.000	9.360.832.918	3.639.167.082
Công ty CP Du lịch Sinh thái Long Hải	60.000.000.000	3.500.000.000	3.468.701.654	31.298.346
Công ty CP Du lịch Minh Đạm	100.000.000.000	10.000.000.000	2.784.000.000	7.216.000.000
Công ty TNHH Du lịch Nam Biển Đông	25.000.000.000	3.572.350.000	3.326.935.087	245.414.913
Công ty CP Thương mại Du lịch Vũng Tàu - Sài Gòn	120.000.000.000	12.000.000.000	9.158.800.000	2.841.200.000

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác</i>				
Cửa hàng Thanh Dương	311.202.300	311.202.300	243.989.000	243.989.000
Phải trả cho các đối tượng khác	3.806.996.510	3.806.996.510	3.135.128.525	3.135.128.525
Cộng	4.118.198.810	4.118.198.810	3.379.117.525	3.379.117.525

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	20.182.344.335	22.512.808.521
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>36.837.827</i>	<i>36.837.827</i>
Công ty CP Đầu tư Khách sạn Biển Đông- tiền thuê đất 2007	21.642.100	21.642.100
Công ty CP Giải trí Thể thao Minh Đạm - Thuế GTGT	15.195.727	15.195.727
<i>Phải trả ngắn hạn các tổ chức, cá nhân khác</i>	<i>20.145.506.508</i>	<i>22.475.970.694</i>
Kinh phí công đoàn, Các khoản bảo hiểm NLĐ	23.635.099	122.968.130
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.332.391.800	10.332.391.800
	7.399.152.000	7.399.152.000
Ông Nguyễn Ngọc Mỹ - Tiền đã thanh toán mua khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Du lịch Thể thao Thi đấu Giải trí Sở Tài chính Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - Tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai	-	540.000.000
Thanh tra Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - Thu hồi khoản chi không đúng quy định	-	483.272.420
	138.184.049	1.654.411.304
Cục Thuế Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu- Tiền thuế phạt, truy thu	999.683.000	715.344.850
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.252.460.560	1.228.430.190
Các khoản phải trả, phải nộp khác.		
b) Dài hạn	1.936.427.650	3.916.034.568
Sở Tài chính Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu- Tạm ứng vốn kinh doanh	249.800	249.800
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	1.936.177.850	3.915.784.768
Cộng	22.118.771.985	26.428.843.089

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

MẪU SỐ B09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. VAY VÀ NỢ**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn	1.707.813.026	1.707.813.026	76.937.300	1.349.105.026	435.645.300	435.645.300
Vay dài hạn đến hạn trả						
Quý Bảo vệ Môi Trường tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (i)	164.000.000	164.000.000	76.937.300	123.000.000	117.937.300	117.937.300
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Bà Rịa- Vũng Tàu (ii)	1.543.813.026	1.543.813.026	-	1.226.105.026	317.708.000	317.708.000
b) Vay dài hạn	14.129.279.913	14.129.279.913	-	76.937.300	14.052.342.613	14.052.342.613
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bà Rịa - Vũng Tàu (iii)	14.052.342.613	14.052.342.613	-	-	14.052.342.613	14.052.342.613
Quý Bảo vệ Môi Trường tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (i)	76.937.300	76.937.300	-	76.937.300	-	-
Cộng	15.837.092.939	15.837.092.939	76.937.300	1.426.042.326	14.487.987.913	14.487.987.913

(i) Khoản vay trung và dài hạn Quý Bảo vệ Môi Trường tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu theo hợp đồng vay vốn số 01/2014/HĐVV ngày 12 tháng 06 năm 2014. Mục đích sử dụng tiền vay là xây dựng hệ thống xử lý nước sinh hoạt. Thời hạn vay 54 tháng. Lãi suất 4,8%/năm, lãi trả định kỳ 03 tháng/lần vào ngày cuối cùng của kỳ trả lãi, Ngân hàng TMCP Công thương bảo lãnh cho khoản vay theo hợp đồng bảo lãnh số 880361400449 ngày 08/8/2014.

(ii) Khoản vay trung và dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng số 880/KHTD/2013/4774 ngày 28/01/2013 và các phụ lục hợp đồng ngày 04/06/201 với mục đích tài trợ chi phí đầu tư, sửa chữa, nâng cấp khách sạn Sammy-Vũng Tàu tại 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu và mua phương tiện vận tải; thời hạn vay tối đa 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sở hữu công trình xây dựng khách sạn Sammy - Vũng Tàu tại 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (bao gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL.599767, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 777472650900183 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 22/12/2008).

(ii) Khoản vay phát sinh trước cổ phần hóa và hiện đã được khoan nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	186.445.000.000	11.238.309.719	(31.942.545.250)	8.918.816.162	174.659.580.631
Lỗ trong năm	-	-	(6.683.329.080)	854.577.233	(5.828.751.847)
Điều chỉnh khác	-	-	(62.832.704)	62.832.704	-
Chia cổ tức	-	-	-	(589.491.266)	(589.491.266)
Số đầu năm	186.445.000.000	11.238.309.719	(38.688.707.034)	9.246.734.833	168.241.337.518
Lãi trong năm	-	-	8.806.446.323	678.804.954	9.485.251.277
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(524.327.438)	(524.327.438)
Số cuối năm	186.445.000.000	11.238.309.719	(29.882.260.711)	9.401.212.349	177.202.261.357

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.644.500	18.644.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.644.500	18.644.500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.644.500	18.644.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.644.500	18.644.500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.644.500	18.644.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

Cổ đông	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số cổ phần	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	10.978.400	109.784.000.000	58,88%	10.978.400	109.784.000.000	58,88%
Cổ đông khác	7.666.100	76.661.000.000	41,12%	7.666.100	76.661.000.000	41,12%
Total	18.644.500	186.445.000.000	100%	18.644.500	186.445.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các lĩnh vực kinh doanh như sau:

- Kinh doanh khách sạn và các dịch vụ đi kèm: bao gồm khách sạn, nhà hàng dịch vụ ăn uống, giải khát, kinh doanh khu du lịch, vui chơi, giải trí;
- Đại lý lữ hành và điều hành tour du lịch.

Việc ra các quyết định quản lý của công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Khi trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh Doanh, kết quả hoạt động kinh doanh của từng bộ phận được dựa vào kết quả của từng lĩnh vực. Tài sản bộ phận và chi tiêu vốn không được trình bày do tài sản và vốn chủ yếu phục vụ cho lĩnh vực kinh doanh khách sạn, nhà hàng.

Chỉ tiêu	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng		Kinh doanh lữ hành		Tổng cộng	
	Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	134.837.143.764	131.248.146.018	5.645.457.639	22.933.621.193	140.482.601.403	154.181.767.211
Doanh thu hoạt động tài chính	3.803.586.492	3.477.566.249	10.624.952	144.481.583	3.814.211.444	3.622.047.832
Thu nhập khác	3.923.280.623	990.398.743	13.000.000	-	3.936.280.623	990.398.743
Tổng cộng	142.564.010.879	135.716.111.010	5.669.082.591	23.078.102.776	148.233.093.470	158.794.213.786
Giá vốn hàng bán	59.837.600.978	54.704.500.630	5.567.095.953	21.806.742.648	65.404.696.931	76.511.243.278
Chi phí tài chính	104.610.803	3.845.154.965	141.992	83.787.960	104.752.795	3.928.942.925
Chi phí bán hàng	30.563.807.590	28.407.868.197	-	-	30.563.807.590	28.407.868.197
Chi phí quản lý doanh nghiệp	40.406.690.468	46.020.231.550	1.187.398.820	1.596.490.722	41.594.089.288	47.616.722.272
Chi phí khác	684.004.983	7.111.453.244	23.067.816	604.915.192	707.072.799	7.716.368.436
Tổng cộng	131.596.714.822	140.089.208.586	6.777.704.581	24.091.936.522	138.374.419.403	164.181.145.108
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.967.296.057	(4.373.097.576)	(1.108.621.990)	(1.013.833.746)	9.858.674.067	(5.386.931.322)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	USD	USD
Đô la Mỹ	232,20	377,35

23. DOANH THU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, khách sạn	134.837.143.764	131.248.146.018
Doanh thu dịch vụ lữ hành	5.645.457.639	22.933.621.193
Cộng	140.482.601.403	154.181.767.211

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn - nhà hàng, khách sạn	59.837.600.978	54.704.500.630
Giá vốn - Lữ hành	5.567.095.953	21.806.742.648
Cộng	65.404.696.931	76.511.243.278

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.213.341.274	25.311.620.385
Chi phí nhân công	45.316.089.898	47.100.760.502
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.750.317.474	10.936.320.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.458.512.473	34.517.710.315
Chi phí khác bằng tiền	17.824.332.690	31.262.298.294
Cộng	137.562.593.809	149.128.709.749

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	606.479.287	508.003.918
Cổ tức được nhận	3.204.103.200	2.288.223.138
Lãi chuyển nhượng quyền mua chứng khoán	-	715.072.500
Lãi chênh lệch tỉ giá	3.628.957	110.748.276
Cộng	3.814.211.444	3.622.047.832

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	104.610.803	802.034.698
Dự phòng đầu tư	-	3.058.000.428
Lỗ chênh lệch tỉ giá	141.992	68.907.799
Cộng	104.752.795	3.928.942.925

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
a) Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên bán hàng	16.246.056.752	15.221.642.130
Chi phí khấu hao	2.681.589.455	2.869.661.701
Chi phí khác	11.636.161.383	10.316.564.366
Cộng	<u>30.563.807.590</u>	<u>28.407.868.197</u>
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	19.144.359.803	15.114.536.983
Chi phí thuê đất	10.957.916.396	9.444.578.390
Chi phí quản lý khác	11.491.813.089	23.057.606.899
Cộng	<u>41.594.089.288</u>	<u>47.616.722.272</u>

29. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu cho thuê	3.888.155.083	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản	7.407.782	183.765.910
Thu nhập khác	40.717.758	806.632.833
Cộng	<u>3.936.280.623</u>	<u>990.398.743</u>

30. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Phạt thuế, truy thu thuế	523.909.425	7.181.115.639
Chi phí khác	183.163.374	535.252.797
	<u>707.072.799</u>	<u>7.716.368.436</u>

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Từ ngày 01/01/2016, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thông thường với tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trong năm	8.806.446.323	(6.683.329.080)
Trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi đã trích lập	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>8.806.446.323</u>	<u>(6.683.329.080)</u>
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	18.644.500	18.644.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>472</u>	<u>(358)</u>
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu (VND)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	14.487.987.913	15.837.092.939
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(20.137.279.435)	(21.075.040.361)
Nợ thuần	(5.649.291.522)	(5.237.947.422)
Vốn chủ sở hữu	177.202.261.357	168.241.337.518
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.137.279.435	21.075.040.361	20.137.279.435	21.075.040.361
Chứng khoán kinh doanh	10.090.004.400	10.090.004.400	10.090.004.400	10.090.004.400
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.202.034.835	11.250.941.829	7.202.034.835	11.250.941.829
Phải thu về cho vay	5.096.599.128	4.897.761.477	5.096.599.128	4.897.761.477
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	56.263.692.863	56.263.692.863	56.263.692.863	56.263.692.863
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	9.100.000.000	3.100.000.000	9.100.000.000	3.100.000.000
Tổng cộng	107.889.610.661	106.677.440.930	107.889.610.661	106.677.440.930
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	14.487.987.913	15.837.092.939	14.487.987.913	15.837.092.939
Phải trả người bán và phải trả khác	26.213.335.696	29.684.992.484	26.213.335.696	29.684.992.484
Chi phí phải trả	463.479.338	330.601.489	463.479.338	330.601.489
Tổng cộng	41.164.802.947	45.852.686.912	41.164.802.947	45.852.686.912

Công ty đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo chính sách tại Thuyết minh số 03.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Sau 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.137.279.435	-	-	20.137.279.435
Chứng khoán kinh doanh	10.090.004.400	-	-	10.090.004.400
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.702.034.835	500.000.000	-	7.202.034.835
Phải thu về cho vay	5.096.599.128	-	-	5.096.599.128
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	56.263.692.863	56.263.692.863
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	9.100.000.000	-	-	9.100.000.000
Tổng cộng	51.125.917.798	500.000.000	56.263.692.863	107.889.610.661
Các khoản vay	435.645.300	14.052.342.613	-	14.487.987.913
Phải trả người bán và phải trả khác	24.276.908.046	1.936.427.650	-	26.213.335.696
Chi phí phải trả	463.479.338	-	-	463.479.338
Tổng cộng	25.176.032.684	15.988.770.263	-	41.164.802.947
Chênh lệch thanh khoản thuần	25.949.885.114	(15.488.770.263)	56.263.692.863	66.724.807.714
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.075.040.361	-	-	21.075.040.361
Chứng khoán kinh doanh	10.090.004.400	-	-	10.090.004.400
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.688.268.829	562.673.000	-	11.250.941.829
Phải thu về cho vay	4.897.761.477	-	-	4.897.761.477
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	56.263.692.863	56.263.692.863
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.100.000.000	-	-	3.100.000.000
Tổng cộng	49.851.075.067	562.673.000	56.263.692.863	106.677.440.930
Các khoản vay	1.707.813.026	14.129.279.913	-	15.837.092.939
Phải trả người bán và phải trả khác	25.768.957.916	3.916.034.568	-	29.684.992.484
Chi phí phải trả	330.601.489	-	-	330.601.489
Tổng cộng	27.807.372.431	18.045.314.481	-	45.852.686.912
Chênh lệch thanh khoản thuần	22.043.702.636	(17.482.641.481)	56.263.692.863	60.824.754.018

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các giao dịch và số dư với bên liên quan đã được trình bày trong các thuyết minh số 6, 8, 10, 16, 18, 20; Công ty còn có các giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	1.150.501.326	1.249.888.562

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. THÔNG TIN KHÁC

Theo các Quyết định, kết luận và thông báo của Chi cục thuế Tp. Vũng Tàu, của Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thị Công ty và Công ty con phải hạch toán thêm chi phí và nghĩa vụ phải trả ngân sách Nhà nước về tiền thuê đất, thuê hạ tầng tại khu vực Bãi tắm Thùy Vân, Tp. Vũng Tàu với tổng giá trị 126.737.556.046 VND, cụ thể:

Các văn bản về tiền thuê đất	Từ khi sử dụng cho đến nay	Từ năm 2013 đến 2017	Từ năm 2006 đến năm 2017	Tổng cộng
Kết luận Thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17/9/2018 và Quyết định số 177/QĐ-TTr và số 182/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (**)	7.240.686.836	-	-	7.240.686.836
Kết luận Thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17/9/2018 và Quyết định số 172/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (*) - Công ty mẹ	-	-	107.498.702.141	107.498.702.141
Kết luận Thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17/9/2018 và Quyết định số 173/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (*) - Công ty con	-	33.055.916.899	-	33.055.916.899
5764/TB-CCT ngày 13/06/2017 (Nợ gốc)	-	-	115.638.237.546	115.638.237.546
Cộng	7.240.686.836	33.055.916.899	107.498.702.141	147.795.305.876
Số đã hạch toán chi phí tiền thuê đất	-	4.658.325.840	16.399.423.990	21.057.749.830
Số đã hạch toán chi phí tiền thuê cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Số còn nợ và chưa hạch toán (*)	7.240.686.836	28.397.591.059	91.099.278.151	126.737.556.046

(*) Đến thời điểm hiện nay, tiền thuê đất truy thu bổ sung được xác định theo kết luận và quyết định của Thanh tra vào ngày 05/10/2018. Tiền thuê đất được tính cho tổng diện tích đất mà Công ty và Công ty con đang quản lý sử dụng 87.077 m² tại khu vực Bãi tắm Thùy Vân trừ đi diện tích bãi cát bờ biển là 35.468,9 m² (Cụ thể : Công ty là 54.171,1m² trừ diện tích bãi cát là 14.219,3m² và Công ty con - Công ty Cổ phần Du lịch Nghinh Phong là 32.835,9m² trừ diện tích bãi cát là 21.249,6m²).

(**) Tiền thuê hạ tầng cho ngân sách nhà nước đối với hạng mục san nền, kê đá, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác do ngân sách tỉnh đã đầu tư được Thanh tra tỉnh truy thu từ khi Công ty, Công ty con sử dụng cho đến nay.

Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty và Công ty con vẫn chưa được Cơ quan chức năng có thẩm quyền của Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ký hợp đồng cho thuê hạ tầng và hợp đồng cho thuê đất đối với toàn bộ diện tích đất tại khu vực Bãi tắm Thùy Vân, Tp. Vũng Tàu; và theo Thông báo ngày 02/05/2013, kết luận của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Cuộc họp hỗ trợ các dự án ngoài khu công nghiệp ngày 03/04/2013 có nêu "Đồng ý việc tính tiền thuê đất trong giá thuê hạ tầng đối với phần diện tích đất phục vụ kinh doanh. Phần diện tích không phục vụ kinh doanh không tính tiền thuê đất trong giá thuê hạ tầng", Công ty và các doanh nghiệp trên địa bàn có sử dụng đất tại khu vực bãi tắm Thùy Vân đang tiếp tục kiến nghị Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về đơn giá, và cách tính tiền thuê đất cho từng khu vực này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Công ty đã gửi Công văn kiến nghị số 95/CV-CPDL ngày 05/11/2018; và Công ty con đã gửi Công văn kiến nghị số 12/CV-DLNP ngày 05/11/2018 đến Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xin được xem xét lại việc truy thu tiền đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng và xem xét để Công ty và Công ty con được ký kết hợp đồng thuê đất tại khu vực Bãi tắm Thù Vân để có điều kiện thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định trong Luật Đất đai, được tính tiền thuê đất trên phần diện tích sử dụng cho mục đích kinh doanh và tính toán lại tiền thuê đất với mức thu hợp lý để doanh nghiệp có thể thực hiện được. Tuy nhiên, cho đến thời điểm lập báo cáo này Công ty và Công ty con chưa nhận được các văn bản, kết luận về việc giải quyết kiến nghị này.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được điều chỉnh và trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau	
				điều chỉnh lại	Ghi chú
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VND 7.897.832.918	VND (1.190.000.000)	VND 6.707.832.918	(i)
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(8.778.483.878)	(1.190.000.000)	(7.588.483.878)	(i)

(i) Trình bày khoản đầu tư vào Công ty liên kết cần theo phương pháp Vốn chủ, điều chỉnh lại giá gốc và dự phòng vào công ty liên kết.



Nguyễn Hồng An
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 10 tháng 4 năm 2019

Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập biểu

Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Kế toán trưởng